

Số: /TTr-UBND

Bình Định, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

TỜ TRÌNH

**Dự thảo Nghị quyết Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng,
khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng
từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19/02/2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Văn bản số 19/TTHĐND ngày 26/3/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc xây dựng Nghị quyết HĐND tỉnh trình kỳ họp thường lệ 6 tháng đầu năm 2025; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh dự thảo Nghị quyết Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ chính trị, pháp lý

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp ngày 15 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp; Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định: *“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên.”*

Tại khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư, mức khoán bảo vệ rừng quy định tại các Điều 5, 6, 7, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 19, 21, 22 và 23 quyết định mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư cụ thể phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương”*.

Do đó, việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoán nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định là cần thiết.

2. Cơ sở thực tiễn

Trước đây, các cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh Bình Định thực hiện theo quy định của: Nghị định số 75/2015/NĐ-CP ngày 09/9/2015 của Chính phủ về cơ chế, chính sách bảo vệ và phát triển rừng, gắn với chính sách giảm nghèo nhanh, bền vững và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số giai đoạn 2015 - 2020; Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg ngày 14/9/2016 của Chính phủ về việc ban hành một số chính sách bảo vệ, phát triển rừng và đầu tư hỗ trợ kết cấu hạ tầng, giao nhiệm vụ công ích đối với các công ty nông, lâm nghiệp; Quyết định số 24/2012/QĐ-TTg ngày 01/6/2012 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách đầu tư phát triển rừng đặc dụng giai đoạn 2011 - 2020; Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp (khoản 1 Điều 91), ...

Tuy nhiên, ngày 24/5/2024, Chính phủ ban hành Nghị định số 58/2024/NĐ-CP về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, các văn bản, quy định nêu trên hết hiệu lực thi hành từ ngày 15/7/2024. Hiện nay, các chủ rừng trên địa bàn tỉnh đang tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021- 2025 (theo Quyết định số 809/QĐ-TTg ngày 12/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ) và Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ).

Theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 14/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Bình Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm

2050, theo đó: (i) Diện tích đất rừng tỉnh Bình Định đến năm 2030 là 361.780 ha, gồm: Đất rừng đặc dụng 56.211 ha, đất rừng phòng hộ 152.997 ha, đất rừng sản xuất 152.572 ha; (ii) Mục tiêu duy trì tỷ lệ che phủ của rừng ở mức 58%; (iii) Phương hướng phát triển về lâm nghiệp: Phát triển mạnh kinh tế rừng gắn với bảo vệ và phát triển bền vững, khai thác, sử dụng các dịch vụ môi trường rừng hiệu quả; Bảo tồn, phát triển diện tích rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng ngập mặn, rừng tự nhiên sản xuất và phát triển, nâng cao hiệu quả kinh tế đối với diện tích rừng sản xuất, khuyến khích trồng rừng gỗ lớn gắn với chứng chỉ rừng theo hướng phát triển bền vững; Ưu tiên chuyển hóa từ trồng rừng gỗ nhỏ sang trồng rừng gỗ lớn, chuyển đổi đất rừng sản xuất kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả có giá trị cao hơn; Đồng thời, thiết lập hệ thống rừng ngập mặn, phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu một cách ổn định và bền vững trên cơ sở bảo vệ phát triển toàn bộ hệ sinh thái rừng ngập mặn ven biển với kế hoạch dài hạn.

Để thực hiện tốt các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ quản lý, bảo vệ và phát triển rừng bền vững trong thời gian tới và đảm bảo tính liên tục, đồng bộ, thống nhất trong việc thực hiện các chính sách bảo vệ và phát triển rừng trên địa bàn tỉnh phù hợp với mức đầu tư, hỗ trợ đầu tư quy định tại Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ. Do đó, việc tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành *“Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định”* để cụ thể hóa khoản 3 Điều 27 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP là cần thiết, nhằm áp dụng thống nhất, đồng bộ trên địa bàn tỉnh, phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh là cần thiết.

II. MỤC ĐÍCH BAN HÀNH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích ban hành

a) Việc xây dựng Nghị quyết nhằm đảm bảo cho việc Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

b) Làm cơ sở phân bổ ngân sách cho các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và khoán bảo vệ rừng đảm bảo đúng đối tượng, đúng chính sách.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo yêu cầu về tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật; tuân thủ đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đảm bảo minh bạch về mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng; phù hợp với tình hình thực tiễn tại địa phương và đảm bảo công khai, dân chủ trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của các cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư trong quá trình xây dựng, ban hành Nghị quyết.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. UBND tỉnh ban hành Tờ trình số 01/TTr-UBND ngày 07/01/2025 đề nghị xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định. Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất xây dựng Nghị quyết của HĐND trình kỳ họp thường lệ 6 tháng đầu năm 2025 tại Văn bản số 19/TTHĐND ngày 26/3/2025.

2. Sở Nông nghiệp và Môi trường thành lập Tổ soạn thảo văn bản quy phạm pháp luật về Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định tại Quyết định số 274/QĐ-SNNMT ngày 28/4/2025.

3. Xây dựng dự thảo Nghị quyết.

4. Tổ chức lấy ý kiến bằng văn bản các sở, ngành liên quan và địa phương đối với dự thảo Nghị quyết tại Văn bản số/SNNMT-KL ngày .../.../2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

5. Đăng tải trên cổng thông tin điện tử tỉnh Bình Định tại Văn bản số/SNNMT-KL ngày .../.../2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

6. Báo cáo Tổng hợp các ý kiến góp ý, giải trình tiếp thu, không tiếp thu các ý kiến.

7. Báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết của Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo sốBC-STP ngày/.../2025).

8. Dự thảo Nghị quyết đã được thông qua Ban Thường vụ Đảng uỷ Ủy ban nhân dân tỉnh ngày .../.../2025 và thông qua Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ngày .../.../2025.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh

- Nghị quyết này quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

- Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan.

b) Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Bố cục của dự thảo Nghị Quyết

a) Nội dung tại Điều 1. Phạm vi điều chỉnh.

b) Nội dung tại Điều 2. Đối tượng áp dụng.

c) Nội dung tại Điều 3. Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng.

d) Nội dung tại Điều 4. Nguồn vốn thực hiện.

đ) Nội dung tại Điều 5. Tổ chức thực hiện.

e) Nội dung tại Điều 6. Hiệu lực thi hành.

3. Nội dung cơ bản

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

2. Các nội dung khác không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp và các quy định hiện hành có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư có liên quan đến hoạt động bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Điều 3. Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng

1. Mức cấp kinh phí bảo vệ rừng đặc dụng

a) Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm, đối với xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm, đối với vùng đất ven biển là 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng đặc dụng được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng.

b) Cộng đồng dân cư; Tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, trừ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất; Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng; Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm, đối với xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, đối với vùng đất ven biển là 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao.

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho cộng đồng dân cư là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

2. Mức cấp kinh phí bảo vệ rừng phòng hộ

a) Ban quản lý rừng phòng hộ được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là

500.000 đồng/ha/năm, đối với xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, đối với vùng đất ven biển là 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng.

b) Ban quản lý rừng đặc dụng được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm, đối với xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm, đối với vùng đất ven biển là 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng phòng hộ được giao, ngoài kinh phí sự nghiệp thường xuyên cho các hoạt động của bộ máy ban quản lý rừng.

c) Doanh nghiệp nhà nước; Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng; Tổ chức khoa học và công nghệ, đào tạo, giáo dục nghề nghiệp về lâm nghiệp được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm, đối với xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, đối với vùng đất ven biển là 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao.

d) Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê được Nhà nước cấp kinh phí quản lý, bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm, đối với xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm, đối với vùng đất ven biển là 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng được giao.

đ) Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

3. Mức hỗ trợ kinh phí bảo vệ rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng

a) Ban quản lý rừng đặc dụng; Ban quản lý rừng phòng hộ; Ủy ban nhân dân cấp xã đang quản lý diện tích rừng chưa giao, chưa cho thuê được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 150.000 đồng/ha/năm, đối với xã khu vực II, III là 180.000 đồng/ha/năm, đối với vùng đất ven biển là 225.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao.

b) Doanh nghiệp nhà nước được Nhà nước giao rừng sản xuất là rừng tự nhiên trước ngày 01/01/2019; Hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư; Tổ chức kinh tế bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã và tổ chức kinh tế khác được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật, trừ Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài được Nhà nước cho thuê đất để trồng rừng sản xuất; Đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân được giao rừng được Nhà nước cấp kinh phí bảo vệ rừng là 500.000 đồng/ha/năm, đối với xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, đối với vùng đất ven biển là 750.000 đồng/ha/năm trên tổng diện tích rừng sản xuất là rừng tự nhiên được giao.

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu về bảo vệ rừng cho hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

4. Mức cấp kinh phí khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc

tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung thuộc quy hoạch rừng đặc dụng, phòng hộ

a) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên mức cấp kinh phí là 1.000.000 đồng/ha/năm trong thời gian 6 năm. Đối với vùng đất ven biển là 1.500.000 đồng/ha/năm.

b) Khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung mức cấp kinh phí là 2.000.000 đồng/ha/năm trong 3 năm đầu và 1.000.000 đồng/ha/năm cho 3 năm tiếp theo.

c) Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên là 50.000 đồng/ha; chi phí lập hồ sơ thiết kế, dự toán khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung được xác định bằng dự toán được duyệt; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung là 7% trên tổng kinh phí chi cho khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung hằng năm.

5. Mức kinh phí khoán bảo vệ rừng

a) Mức kinh phí khoán bảo vệ rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên từ ngân sách nhà nước là 500.000 đồng/ha/năm, đối với xã khu vực II, III là 600.000 đồng/ha/năm, đối với vùng đất ven biển là 750.000 đồng/ha/năm.

b) Chi phí lập hồ sơ lần đầu cho khoán bảo vệ rừng là 50.000 đồng/ha; kinh phí quản lý, kiểm tra, nghiệm thu bảo vệ rừng là 7% trên tổng kinh phí chi cho bảo vệ rừng hằng năm.

Điều 4. Nguồn vốn thực hiện

Ngân sách nhà nước (bao gồm cả nguồn vốn các chương trình mục tiêu quốc gia).

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày tháng năm 2025.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viển dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bởi văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định khóa XIII, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2025./.

(Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

V. DỰ KIẾN NGUỒN LỰC, ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHO VIỆC THI HÀNH NGHỊ QUYẾT VÀ THỜI GIAN TRÌNH THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT

1. Về nguồn lực

a) Về nguồn lực tài chính

Theo khoản 1 Điều 4 Nghị định số 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ về một số chính sách đầu tư trong lâm nghiệp quy định: *“Nhà nước bảo đảm nguồn lực cho hoạt động quản lý, bảo vệ và phát triển rừng đặc dụng, rừng phòng hộ; cấp kinh phí bảo vệ và phát triển rừng sản xuất là rừng tự nhiên trong thời gian đóng cửa rừng phù hợp với khả năng cân đối vốn từ ngân sách nhà nước trong kế hoạch trung hạn và hằng năm”*. Do đó, nguồn lực tài chính đảm bảo cho việc thi hành Nghị quyết sau khi được thông qua, gồm:

- Ngân sách Trung ương: Từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu ngân sách hằng năm cho các địa phương chưa tự cân đối được ngân sách và các địa phương khác theo quy định của pháp luật để thực hiện bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng trên địa bàn tỉnh (*quy định tại điểm b khoản 1 Điều 26 của Nghị định 58/2024/NĐ-CP ngày 24/5/2024 của Chính phủ*).

- Ngân sách địa phương: Bố trí từ nguồn ngân sách địa phương, kết hợp với ngân sách trung ương hỗ trợ để thực hiện bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng trên địa bàn tỉnh.

b) Về nguồn nhân lực

- Sau khi Nghị quyết ban hành, UBND tỉnh chỉ đạo, giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến nội dung chính sách quy định tại Nghị quyết này. Sở Nông nghiệp và Môi trường chỉ đạo Chi cục Kiểm lâm là cơ quan có chức năng quản lý Nhà nước chuyên ngành lâm nghiệp và các phòng chuyên môn của Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp với các Sở, ngành, địa phương, đơn vị liên quan của tỉnh để tổ chức thực hiện các chương trình, dự án về bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng trên địa bàn tỉnh; giám sát, đánh giá và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết này và pháp luật liên quan hiện hành, đảm bảo nguồn lực đầu tư thực hiện có hiệu quả.

- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được UBND tỉnh giao, hàng năm Sở Nông nghiệp và Môi trường phối hợp các Sở, ngành có liên quan tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch phân bổ kinh phí giao cho các chủ rừng trên địa bàn tỉnh để tổ chức thực hiện bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng từ nguồn kinh phí trung ương bổ sung có mục tiêu hằng năm và từ nguồn ngân sách của tỉnh từ các chương trình, dự án về bảo vệ rừng và khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng.

2. Về điều kiện bảo đảm cho việc thi hành Nghị quyết

- a) Sau khi Nghị quyết được thông qua, Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường và các Sở, ngành, địa phương, các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

- b) Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm chính, chủ động phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết theo chỉ đạo, giám sát của Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy

ban nhân dân tỉnh.

3. Thời gian trình thông qua Nghị quyết

Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua “Nghị quyết Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định”, tại Kỳ họp thường lệ giữa năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khóa XIII, nhiệm kỳ 2021-2026.

Trên đây là Tờ trình dự thảo Nghị quyết Quy định mức cấp kinh phí bảo vệ rừng, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng và mức kinh phí khoán bảo vệ rừng từ ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Bình Định; Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban KTNS - HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Sở Tư pháp;
- Sở Tài chính;
- Sở Nội vụ;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K10.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phạm Anh Tuấn